

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ  
số 186/1998/QĐ-TTg ngày 25/9/1998  
về việc thành lập và phê duyệt Dự  
án đầu tư xây dựng và kinh doanh  
kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp  
Lễ Môn, tỉnh Thanh Hóa.**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ;*

*Căn cứ Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 42/CP ngày 16 tháng 7 năm 1996 của Chính phủ và Nghị định số 92/CP ngày 23 tháng 8 năm 1997 của Chính phủ;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại tờ trình số 1019/UB-CN ngày 9 tháng 6 năm 1998, của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 6184-BKH/VPTĐ ngày 05 tháng 9 năm 1998,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Khu công nghiệp Lễ Môn, tỉnh Thanh Hóa.

Khu công nghiệp Lễ Môn được tổ chức và hoạt động theo Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ và chịu sự quản lý trực tiếp của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 2.** Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Lễ Môn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Lễ Môn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chủ đầu tư: Công ty Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thanh Hóa.

3. Mục tiêu dự án: Tạo mặt bằng, xây dựng các hệ thống giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc, xử lý chất thải... nhằm kinh doanh kết cấu hạ tầng được tạo ra trong khu công nghiệp.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

5. Diện tích đất sử dụng: Tổng diện tích quy hoạch là 62,61 ha.

6. Tổng mức vốn đầu tư: 63,516 tỷ đồng Việt Nam (quy đổi = 4.885.865,9 USD).

7. Nguồn vốn: Vốn tự có, vốn cổ phần và vốn ứng trước của các nhà đầu tư, vốn vay.

8. Tiến độ đầu tư: Được thực hiện trong 5 năm, kể từ ngày ký quyết định đầu tư.

9. Thời gian hoạt động: 50 năm, kể từ ngày ký quyết định đầu tư.

**Điều 3.** Công ty Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thanh Hóa được vay một phần vốn ưu đãi của Nhà nước để xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và được hưởng các ưu đãi tài chính theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước.

**Điều 4.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm chỉ đạo chủ đầu tư thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành; lập quy hoạch chi tiết khu công nghiệp trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt; lập đề án tổng thể về phát triển công trình kết cấu hạ tầng bên ngoài hàng rào để đồng bộ với các công trình kết cấu hạ tầng bên trong hàng rào, đảm bảo hoạt động có hiệu quả cho khu công nghiệp.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



**Điều 6.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, các Bộ trưởng: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Công nghiệp, Quốc phòng, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Trưởng Ban quản lý các Khu công nghiệp Việt Nam, Giám đốc Công ty Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thanh Hóa, Thủ trưởng các cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng và quyền hạn của mình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ  
Phó Thủ tướng

NGÔ XUÂN LỘC

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ  
số 188/1998/QĐ-TTg ngày 28/9/1998  
về việc bán biệt thự tại thành phố  
Hồ Chí Minh.**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (công văn số 2959/CV-UB-QLĐT ngày 07 tháng 8 năm 1998) và của Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và đất ở (công văn số 28/TTr-BCĐ ngày 17 tháng 9 năm 1998),*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh được bán biệt thự thuộc sở hữu Nhà

nước tại nội thành có khuôn viên từ 500m<sup>2</sup> trở lên (trừ các biệt thự thuộc diện không bán do thành phố quy định) cho các đối tượng đang ở thuê hợp pháp, theo đúng các quy định tại Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở (sau đây gọi là Nghị định số 61/CP).

Riêng đối với các biệt thự có khuôn viên lớn hơn 1000 m<sup>2</sup> thì Ủy ban nhân dân thành phố cần xem xét cụ thể từng trường hợp để có quyết định bán hoặc sử dụng vào mục đích khác có hiệu quả hơn.

**Điều 2.** Giá bán biệt thự (gồm giá nhà và giá đất) quy định như sau:

1. Giá nhà:

a) Giá bán ngôi biệt thự áp dụng theo quy định tại Nghị định số 61/CP. Trong trường hợp trong khuôn viên của biệt thự có các ngôi nhà khác thuộc sở hữu Nhà nước thì giá những ngôi nhà này tính theo giá của cấp nhà tương ứng quy định tại Nghị định số 61/CP.

b) Đối với ngôi biệt thự có nhiều hộ ở (tính theo số hộ có hợp đồng thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước và số hộ đang sử dụng nhà thuộc sở hữu khác) có diện tích sử dụng chung (như hành lang, cầu thang...) thì giá của phần diện tích này được phân bổ cho các hộ sử dụng chung theo tỷ lệ diện tích sử dụng nhà của mỗi hộ.

c) Đối với ngôi biệt thự có nhiều hộ ở (tính theo số hộ có hợp đồng thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước và số hộ đang sử dụng nhà thuộc sở hữu khác) có các diện tích không thuận lợi (ga ra, tầng hầm, phòng xép, tầng lửng áp mái) thì giá các phần diện tích này được giảm với mức giảm tối đa không quá 50% giá hạng biệt thự đó. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định cụ thể việc giảm giá này.

2. Giá đất:

a) Phần diện tích đất (kể cả diện tích đất xây dựng nhà nhiều tầng có nhiều hộ ở) trong định